TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **232**/2024/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 16 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **296**/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Bà Đào Hoa M, sinh năm 1998.

+ Ông Trương Trung H, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: C3/33, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Hoa M và ông Trương Trung H kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến nay, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng tới mức khó có thể giải quyết. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Ngọc M1, sinh ngày 18/12/2023. Ông bà thống nhất giao cháu Trương Ngọc M1 cho bà Đào Hoa M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Trương Trung H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Ông Trương Trung H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vi lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết,

nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Hoa M và ông Trương Trung H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc M1 cho bà Đào Hoa M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Trương Trung H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Trương Trung H không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đào Hoa M và ông Trương Trung H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002319 ngày 24/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Biên Hoà (2);
- Chi cục THA DS TP.Biên Hoà(1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hs, VP và Thẩm phán (3).

THẨM PHÁN

Trương Thị Diệp